

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

Số: **1319** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày **22** tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình vận hành hồ chứa nước Sum Ngược, xã Văn Vũ,
huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 93/TTr-SNN ngày 16/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa nước Sum Ngược, xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn chịu trách nhiệm quản lý vận hành hồ chứa nước Sum Ngược, xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn theo đúng quy trình được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND huyện Na Rì, Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Gửi bản điện tử:
- Như Điều 4 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LDVP (Ô. Thất);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Hoàn.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN





**QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC SUM NGƯỢC,
XÃ VĂN VŨ, HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mọi hoạt động có liên quan đến quản lý khai thác và bảo vệ an toàn hệ thống công trình hồ chứa nước Sum Ngược đều phải tuân thủ:

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012.
2. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013.
3. Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014.
4. Luật Khí tượng thủy văn ngày 23/11/2015.
5. Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017.
6. Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
7. Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.
8. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
9. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.
10. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.
11. Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.
12. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
13. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai.
14. Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.
15. Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12/4/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi.
16. Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

17. Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

18. Thông tư số 65/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa.

19. Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành công trình

Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Sum Ngược, xã Văn Vũ, huyện Na Rì (sau đây gọi tắt là Quy trình) là cơ sở pháp lý để Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn) vận hành điều tiết hồ chứa nước Sum Ngược hàng năm theo nguyên tắc sau:

- Đảm bảo an toàn công trình theo chỉ tiêu phòng chống lũ với tần suất thiết kế $P = 1,5\%$ tương ứng với mực nước cao nhất ở cao trình 412,66m;

- Đảm bảo an toàn cho hạ du khi hồ chứa xả lũ;

- Cấp nước phục vụ nông nghiệp và các nhu cầu dùng nước khác theo nhiệm vụ thiết kế được duyệt.

- Trong mùa mưa lũ, khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình này, việc vận hành điều tiết và phòng chống thiên tai của hồ chứa phải tuân theo sự chỉ đạo điều hành thống nhất của UBND tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Thông số kỹ thuật chính và nhiệm vụ của công trình

1. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

a) Cấp công trình theo TCXDVN 285-2002: Cấp IV.

b) Tần suất tưới thiết kế : $P = 75\%$.

c) Tần suất lũ thiết kế : $P = 1,5\%$.

d) Tần suất lũ kiểm tra: $P = 0,5\%$.

e) Hệ số ổn định : $K = 1,15$.

2. Thông số kỹ thuật chính của hồ chứa:

Đặc trưng	Giá trị	Đơn vị
Diện tích lưu vực (F)	0,39	Km ²
Chiều cao đập (H)	14,60	m
Mực nước chết (H _c)	403,00	m
Mực nước dâng bình thường (H _{bt})	411,37	m
Mực nước lũ thiết kế (MNLTK)	412,66	m
Cao trình đỉnh đập	413,60	m

Dung tích chết (V_c)	7,29	$10^3 m^3$
Dung tích hiệu dụng (V_h)	107,014	$10^3 m^3$
Dung tích hồ ($V_{hồ}$)	114,304	$10^3 m^3$
Chế độ điều tiết	Điều tiết năm	

3. Nhiệm vụ công trình:

Bảo đảm ổn định cấp nước tưới cho 23ha lúa 2 vụ, ngoài ra kết hợp thả cá và cải thiện môi trường quanh hồ, tạo nguồn nước sinh hoạt cho xã Văn Vũ.

Điều 4. Quy định về mùa lũ, mùa kiệt trong quy trình

- Mùa lũ bắt đầu từ 01/5 đến 31/10 hàng năm.
- Mùa kiệt bắt đầu từ 01/11 đến 30/4 năm sau.

Điều 5. Việc vận hành hệ thống đóng mở cống lấy nước phải tuân thủ theo quy trình vận hành của nhà sản xuất, quy trình bảo trì đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II

VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT HỒ CHỨA NƯỚC TRONG MÙA LŨ

Điều 6. Quy định về chuẩn bị phòng chống lũ

Trước mùa mưa lũ hàng năm, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải thực hiện:

1. Kiểm tra công trình trước mùa mưa, lũ theo đúng quy định hiện hành, phát hiện và xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ.

2. Căn cứ vào Dự báo khí tượng thủy văn mùa lũ hàng năm và Quy trình, lập “Kế hoạch tích, xả nước mùa lũ”, làm cơ sở vận hành điều tiết hồ chứa, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước. Đồng thời, báo cáo UBND tỉnh Bắc Kạn, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Bắc Kạn, thông báo đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Lập hoặc cập nhật bổ sung phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và tổ chức thực hiện.

Điều 7. Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa lũ

Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải thấp hơn hoặc bằng tung độ “Đường phòng phá hoại” và lớn hơn tung độ “Đường hạn chế cấp nước” trên biểu đồ điều phối:

Ngày/tháng	30/VI	31/VII	31/VIII	30/IX	30/X
Đường phòng phá hoại - Mực nước giới hạn trên (m)	405.88	407.31	411.37	411.37	411.37
Đường hạn chế cấp nước - Mực nước giới hạn dưới (m)	403.04	403.03	405.12	406.11	407.25

Điều 8. Vận hành xả lũ trong điều kiện bình thường

1. Khi mực nước hồ vượt quá mực nước dâng bình thường, tràn xả lũ tự động làm việc bình thường.

2. Khi mực nước hồ cao hơn mực nước dâng bình thường (+411,37 m) nhưng chưa vượt quá mực nước dâng gia cường (+412,66 m) tràn vận hành xả lũ, Công ty TNHH MTV QLKTCTTL Bắc Kạn phải:

a) Theo dõi chặt chẽ quá trình xả lũ qua tràn, diễn biến tình hình khí tượng, thủy văn, hiện trạng các công trình đầu mối, đặc điểm vùng hạ du hồ chứa; báo cáo UBND tỉnh Bắc Kạn, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Bắc Kạn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xả lũ.

b) Thông báo cho chính quyền địa phương để phổ biến đến nhân dân vùng hạ du và các cơ quan liên quan về việc xả lũ.

Điều 9. Tích nước cuối mùa lũ

Từ ngày 01/X đến ngày 31/X hàng năm, căn cứ nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn của Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bắc Kạn, nếu không xuất hiện hình thế thời tiết có khả năng gây mưa lũ trên lưu vực, Công ty TNHH MTV QLKTCTTL Bắc Kạn tích nước để đưa dần mực nước hồ về mực nước dâng bình thường (+411,37 m).

Chương III

VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT HỒ CHỨA NƯỚC TRONG MÙA KIẾT

Điều 10. Chuẩn bị phương án cấp nước

Trước mùa kiệt hàng năm, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải thực hiện:

1. Kiểm tra công trình sau lũ theo quy định hiện hành, sắp xếp thứ tự ưu tiên và kịp thời xử lý những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành bình thường.

2. Căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước, lập "Phương án cấp nước trong mùa kiệt", báo cáo UBND tỉnh Bắc Kạn, thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các hộ dùng nước trong hệ thống.

Điều 11. Điều tiết, giữ mực nước hồ trong mùa kiệt.

1. Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối.

2. Mực nước hồ thấp nhất cuối các tháng mùa kiệt được giữ như sau:

Tháng	30/XI	31/XII	31/I	28/II	31/III	30/IV	31/V
Mức nước thấp nhất (m)	406.80	406.60	406.60	406.25	403.93	403.15	403.00

Điều 12. Vận hành cấp nước trong mùa kiệt

1. Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa nước Sum Ngược lớn hơn hoặc bằng “Đường hạn chế cấp nước” và nhỏ hơn “Đường phòng phá hoại” trên biểu đồ điều phối, được cấp nước bình thường theo thiết kế.

2. Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ “Đường hạn chế cấp nước”, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải đảm bảo cấp đủ nước cho các nhu cầu dùng nước theo phương án thiết kế.

3. Khi mực nước hồ thấp hơn "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải thông báo cho các hộ dùng nước thực hiện các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, đề phòng thiếu nước vào cuối mùa kiệt, lập kế hoạch cấp nước luân phiên hoặc giảm mức độ cấp nước theo thứ tự ưu tiên của các đối tượng dùng nước.

4. Trong những năm thời tiết diễn biến bất thường (khô hạn kéo dài) và nhu cầu sử dụng nước tăng cao, nếu phải sử dụng một phần dung tích chết để cấp nước cho các nhu cầu sử dụng nước, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan lập phương án điều hòa, phân phối, sử dụng nước, báo cáo UBND Bắc Kạn xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện. Phương án điều hòa, phân phối, sử dụng nước phải ưu tiên cấp nước sản xuất nông nghiệp và nhu cầu thiết yếu khác.

Chương IV

VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT HỒ CHỨA TRONG TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Điều 13. Vận hành điều tiết trong trường hợp hồ có sự cố

1. Khi công trình đầu mối của hồ chứa (đập chính, tràn xả lũ, cống lấy nước,...) có dấu hiệu mất an toàn công trình Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải báo cáo ngay với UBND tỉnh Bắc Kạn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Bắc Kạn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kịp thời khắc phục đảm bảo an toàn công trình.

2. Trường hợp công trình xảy ra sự cố, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải triển khai ngay phương án xử lý, cứu hộ khẩn cấp để giữ an toàn cho công trình giảm thiểu thiệt hại; đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để ứng cứu, hỗ trợ và triển khai phương án ứng phó kịp thời.

Chương V

QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 14. Chế độ quan trắc, cung cấp thông tin

Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải thực hiện

1. Thu thập tin dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả.

3. Chế độ quan trắc

Quan trắc 02 lần/ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 04 lần/ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 lần/giờ khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 04 lần/giờ khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

4. Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN huyện Na Rì, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Bắc Kạn.

5. Chế độ cung cấp thông tin, báo cáo

a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM) hoặc các hình thức khác;

b) Văn bản gốc phải được gửi đến chủ sở hữu, chủ quản lý để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

Điều 15. Quan trắc lưu lượng qua cống lấy nước, tràn xả lũ và tính toán, kiểm tra lưu lượng lũ, kiệt

1. Khi mở cống lấy nước phải ghi chép số liệu về thời gian đóng mở cống, độ mở cống, mực nước thượng, hạ lưu cống.

2. Kết thúc các đợt xả lũ và sau mùa lũ hàng năm, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn đánh giá, tổng kết các đợt xả lũ (lưu lượng xả, thời gian xả, diễn biến mực nước thượng lưu hồ, ảnh hưởng đối với vùng hạ du...).

3. Hàng năm, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn tiến hành thu thập, đo đạc, tính toán lưu lượng và tổng lượng lũ đến hồ; đo đạc kiểm tra lưu lượng và tổng lượng nước đến mùa kiệt của hồ.

Chương VI CÔNG TÁC CẢNH BÁO KHI VẬN HÀNH XẢ LŨ

Điều 16. Chế độ thông báo

Trong trường hợp mực nước qua tràn xả lũ lớn hơn mực nước lũ thiết kế hoặc đập xảy ra sự cố có nguy cơ vỡ đập:

1. Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn phải báo cáo UBND tỉnh Bắc Kạn, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Bắc Kạn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cấp chính quyền tại nơi có công trình để thông tin kịp thời đến người dân vùng hạ du và triển khai các phương án đảm bảo an toàn.

2. Thời gian thông báo: Ngay khi phát hiện mực nước qua tràn xả lũ lớn hơn mực nước lũ thiết kế hoặc sự cố của đập.

3. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời gian bắt đầu mực nước qua tràn xả lũ lớn hơn mực nước lũ thiết kế hoặc sự cố xảy ra đối với đập

4. Hình thức thông báo bao gồm: Bằng văn bản, fax, email, hoặc thông tin trực tiếp qua điện thoại. Văn bản gốc phải được gửi tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, quản lý.

5. Báo động bằng loa phóng thanh, còi... để đảm bảo an toàn an toàn cho người dân phía hạ du.

Chương VII TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 17. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Bắc Kạn

1. Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ.

2. Kiểm tra, giám sát việc vận hành hồ chứa, đồng thời chỉ đạo công tác phòng chống lũ, lụt và xử lý các tình huống có ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi hồ xả lũ.

3. Chỉ đạo triển khai thực hiện phương án khẩn cấp bảo đảm an toàn công trình và hạ du trong trường hợp theo quy định tại Điều 13 Quy trình này.

4. Quyết định vận hành hồ chứa nước Sum Ngược khi xuất hiện mưa lũ lớn ngoài thời gian mùa lũ quy định tại Quy trình này.

5. Trong trường hợp xảy ra sự cố bất thường phải báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai; Chủ tịch UBND Bắc Kạn để có biện pháp xử lý kịp thời;

6. Chỉ đạo lệnh vận hành đến chính quyền cấp huyện khu vực hạ du bị ảnh hưởng để triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt.

Điều 18. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn thực hiện Quy trình này, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo đơn vị quản lý, khai thác hồ chứa nước Sum Ngược thực hiện Quy trình này.

3. Tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung sau:

a) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của hồ chứa nước Sum Ngược quy định của Quy trình này.

b) Huy động nhân lực, vật lực để xử lý và khắc phục các sự cố của hồ chứa nước Sum Ngược .

c) Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ lụt và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt trên địa bàn.

d) Xử lý các hành vi ngăn cản việc thực hiện Quy trình hoặc vi phạm các quy định của Quy trình theo thẩm quyền.

e) Quyết định việc vận hành điều tiết xả lũ hồ chứa nước Sum Ngược khi xảy ra tình huống như quy định tại Điều 13 Quy trình.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định điều chỉnh bổ sung Quy trình khi có đề nghị của Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Tổng hợp, rà soát phương án điều hòa, phân phối, sử dụng nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước do Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn trình UBND tỉnh xem xét quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

6. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình theo thẩm quyền.

Điều 19. Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn

1. Thực hiện các quy định trong Quy trình này để vận hành điều tiết hồ chứa nước Sum Ngược, đảm bảo an toàn công trình và đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước.

2. Hàng năm tiến hành tổng kết đánh giá việc thực hiện Quy trình, nếu thấy cần thiết sửa đổi hoặc bổ sung Quy trình phải báo cáo các cấp có thẩm quyền.

3. Bố trí các điều kiện cần thiết (nhân lực, vật tư, phương tiện...) để ứng phó kịp thời với các tình huống mưa lũ bất thường (trong cả mùa lũ và mùa kiệt), bảo đảm an toàn cho công trình và vùng hạ du.

4. Trường hợp xảy ra tình huống bất thường, không thực hiện được đúng lệnh vận hành, phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

5. Trường hợp mất thông tin liên lạc hoặc không nhận được lệnh vận hành của người có thẩm quyền ra lệnh và các tình huống bất thường khác, quyết định việc vận hành hồ chứa nước Sum Ngụợc theo đúng quy định của Quy trình này, đồng thời phải chủ động thực hiện ngay các biện pháp ứng phó phù hợp.

6. Đề xuất phương án tích nước cuối mùa lũ (từ 01/X hàng năm), phương án điều hòa, phân phối, sử dụng nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

7. Yêu cầu các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quy trình này.

8. Lập biên bản và báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình này.

Điều 20. UBND huyện, UBND các xã liên quan.

1. Phối hợp với Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn thực hiện Quy trình này.

2. Ngăn chặn, xử lý và thông báo cho Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn những hành vi xâm hại đến công trình, ngăn cản việc thực hiện Quy trình hoặc vi phạm các quy định của Quy trình theo thẩm quyền.

3. Khi nhận thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện phải thông báo ngay với Chủ tịch UBND cấp xã khu vực bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo đến người dân có liên quan để biết và triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời.

4. Huy động nhân lực, vật lực, phương tiện, phối hợp với Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn để phòng chống thiên tai, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

5. Tuyên truyền vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này và tham gia phòng chống thiên tai, bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước Sum Ngụợc.

Điều 21. Các hộ dùng nước và đơn vị hưởng lợi khác

1. Nghiêm chỉnh thực hiện Quy trình này.

2. Hàng năm, xây dựng kế hoạch sử dụng nước gửi Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn để đơn vị có căn cứ lập kế hoạch cấp nước, xả nước hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh tế và an toàn công trình.

3. Ký hợp đồng dùng nước với Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn và tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Tham gia ứng cứu, bảo vệ công trình khi có sự cố xảy ra.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Mọi quy định về Quy trình vận hành hồ chứa nước Sum Ngượng trước đây trái với những quy định trong Quy trình này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện Quy trình, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Bắc Kạn tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, quyết định.

Điều 23. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC

KÈM THEO QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC SUM NGƯỢC
 XÃ VĂN YŨ - HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN



PHỤ LỤC 1

CÁC CHỈ TIÊU VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Bảng các chỉ tiêu và thông số kỹ thuật hồ chứa nước Sum Ngược

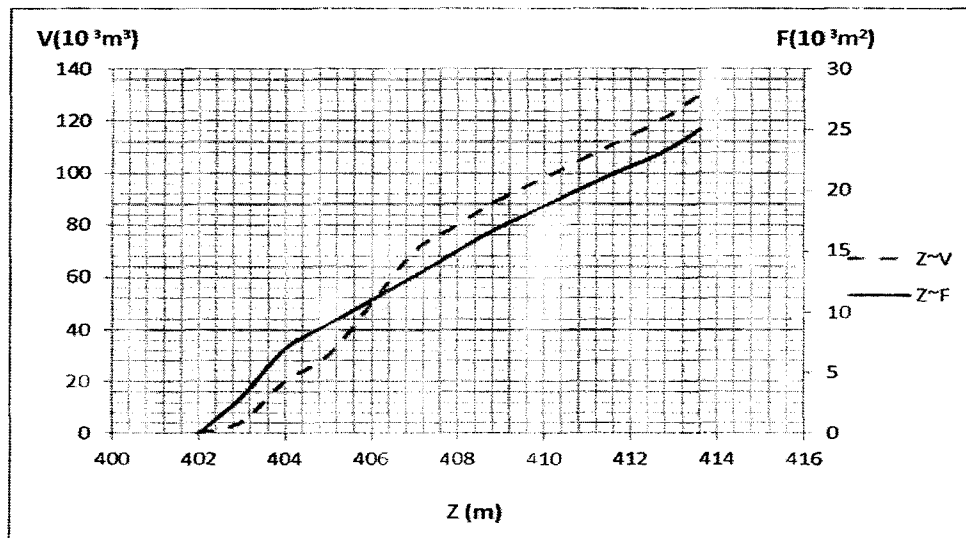
Đặc trưng	Giá trị	Đơn vị
Diện tích lưu vực (F)	0,39	Km ²
Chiều cao đập (H)	14,60	m
Mực nước chết (H _c)	403,00	m
Mực nước dâng bình thường (H _{bt})	411,37	m
Mực nước lũ thiết kế (MNLTK)	412,66	m
Cao trình đỉnh đập	413,60	m
Dung tích chết (V _c)	7,29	10 ³ m ³
Dung tích hiệu dụng (V _h)	107,014	10 ³ m ³
Dung tích hồ (V _{hồ})	114,304	10 ³ m ³
Chế độ điều tiết	Điều tiết năm	

PHỤ LỤC 2

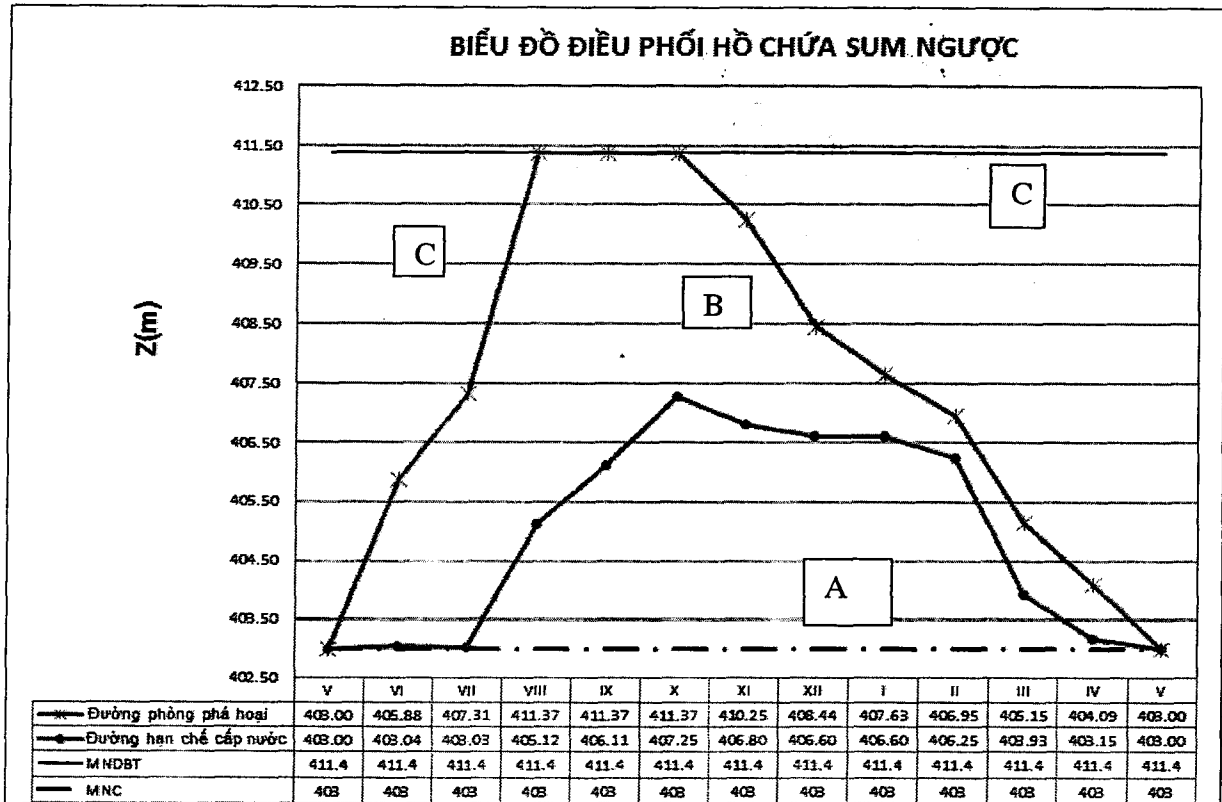
CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRA

Bảng 2: Quan hệ đường đặc tính địa hình lòng hồ chứa nước Sum Ngược

Z(m)	402	403	404	405	406	407	408	409	411.37	412.66	413.6
F(10 ³ m ²)	0	3	7	9	11	13	15	17	21	23	25
V(10 ³ m ³)	0	4.5	20	30	50	70	80	90	109.93	120	130



Hình 1: Đường đặc tính hồ chứa nước Sum Ngược



A: Vùng hạn chế cấp nước; B: Vùng cấp nước bình thường; C: Vùng gia tăng cấp nước.

Hình 2: Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Sum Ngược